

Biểu số 03: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số 84 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Măng Đen	Xã Măng Cành	Xã Hiếu	Xã Pờ Ê	Xã Ngọc Tem	Xã Đăk Tăng	Xã Măng Bút	Xã Đăk Ring	Xã Đăk Nền
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..	(5)	(6)	(7)	(8)	9,00	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	362,13	94,95	34,83	32,78	2,67	61,70	44,64	18,67	43,69	28,20
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	11,42	0,01	0,28	8,02		1,66	0,42	0,10	0,87	0,06
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	8,72	0,01		8,02		0,31	0,27	0,07	0,04	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	116,33	18,31	19,06	15,16	2,67	14,34	13,11	5,87	16,36	11,45
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	72,65	4,08	6,99	9,52		20,62	6,39	1,44	14,59	9,02
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	41,26					19,68	21,58			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	120,41	72,55	8,50	0,02		5,40	3,14	11,26	11,87	7,67
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/PNN	44,79	0,25	8,20			5,40	3,12	11,26	8,89	7,67
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,06			0,06						
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN										
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN										
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp											
3	Chuyển đổi đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyên sang đất ở											

Ghi chú: Đối với các loại đất cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền trước khi chuyển mục đích sử dụng đất thì chỉ được phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.